



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN VAN THONG
Last Middle First

Current Address: 121^H Tran-Van-Kieu - PB-25 - HCM city

Date of Birth: 11-16-1935 Place of Birth: Vinh-Long

Previous Occupation (before 1975) Sergeant Police
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05-18-75 To 08-30-1982
Years: 07 Months: 03 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TA TAI	07-42	wife
NGUYEN TRI DUNG	06-69	son
NGUYEN CHI CUONG	06-73	son
NGUYEN CHI MINH	03-75	son
NGUYEN CHI TUNG	06-79	son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ODP CHECK FORM

Date: 3/30/89

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: Nguyễn Văn Thôn

Date of Birth: 16 November 1935

Address in VN 121-H Trần Văn Kiển P.13 Q.5 Ho Chi Minh City

Spouse Name: Tạ Tài

Number of Accompanying Relatives: 5

Reeducation Time: 76 Years 3 Months 12 Days

IV # 254-651

VEWL # 0

I-171 : Yes; No. - EXIT PERMIT: Yes; No.

Special List #

Sponsor:

Remarks:
(From Mr. Sullivan)

Sincerely,

KHUC MINH THO

Tel.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

DATE: JUL 24 1989

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Re: NGUYEN VAN THONG.

Date of Birth: 11/16/35

IV # : 254651 NEED LOI

Length of Time in Re-education Camp 6.yrs

Ban Chấp Hành T.Ư.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Dear Sir/Madam:

Upon request from the family of the above referenced former re-education camp detainee in Vietnam, I am forwarding to you the enclosed document(s) to complete his record with your office. I trust that the document(s) will be sufficient.

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Should you have any additional questions and/or concerns, please feel free to contact us at the above address.

Thank you very much for your kind attention and assistance in the processing of this applicant.

Sincerely yours,


(Mrs.) Khuc Minh Tho
President

Enclosures

NOTE: This applicant has been sponsored by _____
as shown in the attachments.

It is also requested that the Letter Of Introduction be sent to our Association at the address that appears above.

From: Nguyễn Văn Thông
121-H Trần Văn Kiểu
P.13 Q.5 TP HỒ CHÍ MINH
VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 Tháng 12-1988

Kính gửi: Bà KHÚC MINH THƠ
Chủ-Tịch Hội Gia-Đình Tù
Chính-Trị VIỆT NAM
Hộp thư số 5435-0635
ARLINGTON VA. 22205-0635

Trích yếu: v/v xin xuất cảnh sang HOA-KỲ qua Chương trình ODP
với tư-cách là Tù Chính-Trị Việt Nam sau 7 năm 3 tháng 12 ngày
học tập cải tạo.

Thưa Bà Chủ-Tịch,

Tôi, NGUYỄN VĂN THÔNG, sinh ngày 16-11-1935
Đơn vị : CẢNH-SÁT ĐẶC BIỆT QUẬN 5 Thủ-Đô SAIGON
Cấp bậc : Trung-Sĩ I
Số quân : 121632
Ngày học tập cải tạo : 18-05-1975
Ngày ra Trại : 30-08-1982
Giấy ra Trại Thủ Đức : số 1286-GRT ngày 30-8-82,

Trân trọng kính đề đơn này kính xin Bà Chủ-Tịch vui lòng cứu xét
thật rộng rãi ngõ hầu can thiệp qua Chương-Trình ODP Bangkok ngõ hầu cấp
cho tôi 1 Giấy hứa nhập cảnh (Immigration Visa) để tôi tiện việc bổ túc
hồ sơ xin xuất cảnh theo yêu cầu của Chính Quyền địa phương để họ xét giải
quyết xuất cảnh mà nơi đây công việc đang tiến hành.

Thưa Bà Chủ-Tịch,

Từ trước đến nay, tôi chưa gửi hồ sơ sang Bangkok theo dạng ra đi
trật tự, vì tôi bị ở Trại Cải-Tạo. Nay tôi được biết sự trợ giúp nhân đạo
của Bà Chủ-Tịch, tôi trân trọng kính xin Quý Văn Phòng vui lòng can thiệp
với VP Chương Trình ODP Bangkok hầu cấp cho tôi và gia đình 1 giấy hứa
nhập cảnh để tôi lập thủ tục nộp cho Chính Quyền địa phương xin cấp phép
xuất cảnh.

Tôi xin kính gửi theo đây Mẫu câu hỏi về Tù Chính Trị Việt Nam.

Trong khi chờ đợi sự cứu xét thỉnh cầu của tôi trên đây và sự
giúp đỡ của Bà Chủ-Tịch trong muôn một, tôi và gia đình nguyện tri ân
Bà Chủ-Tịch chân thành.

Dính kèm:

-Mẫu Câu Hỏi cộ Tù
Chính Trị VN.

Kính đơn

Nguyễn Văn Thông.



CHỨNG THẬT SỐ 2229/ly P.13
SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 12 năm 19 88
TM/UBN PHƯƠNG 13
ỦY VIÊN THỦ KÝ 13



[Handwritten signature]

Nguyễn-Chi-Kien-Dung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022000872

Họ tên TA CHÍ DŨNG

Sinh ngày 11-6-1969

Nguyên quán Quảng Đông
Trung Quốc

Nơi thường trú 121H Lê Quang-
Liêm Q.5, TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc:

Hoa

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo thẳng 1cm c, 4, 5 cm
trên sụn mép phải

Ngày 10 tháng 3 năm 1984

GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Thanh Văn
Lê Thanh Văn

CHỨNG THẬT SỐ 2229/89.13
SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày 10 tháng 12 năm 1988
T.M. U. B. N. D. PHƯƠNG 13
ỦY VIÊN THƯ KÝ



[Handwritten signature]
Nguyễn Thị Kim Dung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 021910117

Họ tên TẠ TÀI

Sinh ngày 29-7-1942

Nguyên quán Quảng Đông,
Trung Quốc

Nơi thường trú 21H Lê Quang-
Liêm, Q.5, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Hoa Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi c, 1c n trước
dải tai trái.....

Ngày 15 tháng 1 năm 1983

CHIEU ĐO HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Thao
Phan Văn

QUESTIONNAIRE FOR EX.POLITICAL PRISONER IN VN

1

I- BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIETNAM

1. Full name NGUYỄN VĂN THÔNG
2. Date and place of birth : 16-11-1935
3. Position before Apr. 1975:
 - Rank : Sergeant I (Commandment POLICE ESPECIAL POLICE FORCE DISTRICT 5)
 - Function : Sergeant I SPECIAL POLICE FORCE District 5, SAIGON CAPITAL
 - Serial number : 121632
4. Date/day/month/year arrested : 18-05-1975
5. Date/day/month/year out of Camp : August 30, 1982
6. Photocopy relative certificates
 - Certif. of Reeducation Camp No - dated 18-05-1975
 - Certif. out of Camp dated 30-08-1982 No.1286-GRT (7yers+3months+12days) (enclosed)
7. Present mailing address of Ex.P.P.
 - Nguyễn Văn Thông : 121-H Trần Văn Kiếu Str. P.13 Q.5, HCM City
8. Current address : as above

II- LIST FULL NAME, D.O.B. and P.O.B. of Ex.P.P.

Immediate Family and Father, Mother etc..

1. Relatives to accompany with Ex. P.P.

	NAME	D.O.B.	RELATIONSHIP	P.O.B.
1.	TẠ TÀI	29-07-1942	Wife	Tây Ninh, VIETNAM
2.	NGUYỄN TRÍ DŨNG	11-06-1969	Son	Cholon, VIETNAM
3.	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	22-06-1973	Son	Cholon, VIETNAM
4.	NGUYỄN CHÍ MINH	18-03-1975	Son	Cholon, VIETNAM
5.	NGUYỄN CHÍ TÙNG	20-06-1979	Son	Cholon, VIETNAM

2. COMPLETE FAMILY LISTING (living or dead) OF EX.P.P.

1.	Nguyễn Văn Lý	D.O.B.	1914	Father (deceased)	Vietnam
2.	Phạm Thị Thao		1916	Mother (deceased)	Vietnam
3.	Nguyễn Thị Khéo		1926	Elder Sister	Vietnam

3. Relatives outside Vietnam:

- Closest Relatives in U.S.A. N.A.

- Closest Relatives in other country

III- HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY ?

1. Reunification until now YES X NO
2. Reply from BANGKOK ODP relative to : N.A.
3. The ODP BANGKOK L.O.I. : N.A.

IV- U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE; DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of Applicant)

V- EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION

US Company, Agency, Organization or Foundation

Last Title/Grade

Name/Position of Supervisor

VI- EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975)

Ministry or Military Unit CAPITAL ESPECIAL POLICE FORCE DISTRICT 5

Name/Position of Supervisor: General TRAN VANHAI

VII- FORMER STUDENT IN US OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP

School

Type of Degree Certif.

Date of Employment or Training: from to

VIII- ASIAN-AMERICAN: Single ☐ Married ☐ Male ☐ Female ☐

Full name of the Mother

Full name of The U.S. Citizen Father (if known)

His current address

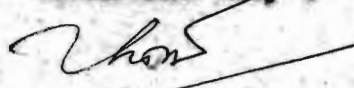
IX- COMMENT - REMARK :

I beg your humanitarian help for myself to be able to live in U.S. under the Sponsorship of The U.S. Government. Many thanks.

X- Please listing here all documents attached to the Questionnaire :

- Certificate out of Camp THU DUC No.1286 dated 30-08-82
- Birth Certificate (Nguyễn Văn Thông)
- Marriage Certificate
- Birth Certificate (Tạ Tài)
- Birth Certificate (Nguyễn Trí Dũng)
- Birth Certificate (Nguyễn Chí Cường)
- Birth Certificate (Nguyễn Chí Minh)
- Birth Certificate (Nguyễn Chí Tùng)
- Household Certificate
- ID. CARD No.021910117
- ID. CARD No.022000872.
- Photos (4 for each person).

Ho Chi Minh City : Dec. 13, 1988


Nguyễn Văn Thông.

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức.
Số 1286 GRT
(45)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SMSLD

640 2/10
Mẫu số 001-QT/G, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thị thành an văn, quyết định tha số 199 ngày 30 tháng 8 năm 1982 của Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn Văn Thông.**
Họ, tên thường gọi
Họ, tên bí danh
Sinh ngày tháng năm 1935
Nơi sinh **Vĩnh Long.**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
LÀN QUẢN LÝ NGƯỜI HTCT VIỆT NAM
ĐẠI TRƯỞNG ĐIỂM ngày 2 tháng 10 năm 1982
Gian Chủ **10.000**
Kết nối giấy đến trình diện
745

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **5/13 Nguyễn Hữu Chí, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.**

Can tội **Trung sỹ nhân viên CSĐL.**

Bị bắt ngày **18/5/1971** Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng
Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại **5/13 Nguyễn Hữu Chí, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian học tập cải tạo đã có nhiều tiến bộ, lao động tích cực. Học tập và chấp hành nội quy trại nghiêm.
- thời hạn quan chế 12 tháng (Mười hai tháng)
- Thời hạn đi đường 02 ngày (Kể từ ngày ký giấy ra trại)
Tiến, đi đường đã cấp từ trại về đến gia đình.
(Nơi cư trú do chính quyền địa phương quy định)

Lưu ý: Ngón trỏ phải
Của **Nguyễn Văn Thông.**

Danh bìa
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày tháng năm 19 82

CHỨNG THẬT SỐ 1381/74 P.13
SAO Y DÂN CHANH

Ngày 20 tháng 8 năm 1982
TM/ U. B. N. D. PHƯƠNG 13
VIÊN THƯ KÝ



Thiếu tá: Phan Hữu Phúc.



Nguyễn Văn Thông

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

(SADEC)

Làng Tân-Khánh-Tây

(N/
(S/)

NĂM 1935
(Année)

SỐ HIỆU 96
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYỄN-VĂN-THÔNG
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Con trai
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Lê 16 Novembre 1935
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-Khánh-Tây
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYỄN-VĂN-LÝ
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-Khánh-Tây
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	PHẠM-THỊ-THAO
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-Khánh-Tây
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-Án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại
(Greffier en Chef du Tribunal)

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Vinhlong ngày 24.8

CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF

ngày 19
CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)

CHỨNG THẬT SỐ 138/24 P.13
SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày 20 tháng 8 năm 1935
TM / U.B.N.Đ. PHƯƠNG 13

PHỤ

Giá tiền: 15\$00
(Cont)

Biên-lai số: 1790/H
(Quittance No)



ỦY VIÊN THƯ KÝ

Nguyễn-Chi-Hàm-Dung

VIỆT-NAM CÔNG-HOÀ
ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN 5

Số hiệu: 459

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THỦ

Tên họ người chồng NGUYỄN-VAN-THÔNG
nghề-nghiep Thợ may
sinh ngày / tháng / năm 1935
tại Tân-Khánh-Tây, Sadeo
cư-sở tại 121H, Lê-Quang-Liêm, Q.5
tạm trú tại /
Tên họ cha chồng NGUYỄN-VAN-LÝ (C)
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng PHẠM-thị-THAO (C)
(sống chết phải nói)
Tên họ người vợ TA - TAI
nghề-nghiep Buôn bán
sinh ngày / tháng / năm 1942
tại Chợ Lớn
cư-sở tại 121H, Lê-Quang-Liêm, Q.5
tạm trú tại /
Tên họ cha vợ TA-CƯỜNG (S)
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ TRẦN-KIỆU (S)
(sống chết phải nói)
Ngày cưới Ngày 20 tháng II năm 1967
Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế /
ngày / tháng / năm /
tại ///

TRÍCH Y BỒN CHÁNH,

Saigon, ngày 06 tháng II năm 1968

CHỨC HỘ-TỊCH,

CHỨNG THƯ
SAO Y

1444 P.13
ANH

Ngày 22 tháng 9 năm 1968
TM / U.B.N.D. PHƯƠNG 13

ỦY VIÊN THỰC KỲ



NGUYỄN-KIM-BA

Nguyễn-Thị-Kim-Dung



Số hiệu

(1)

(194)



NAISSANCE

Sanh

Nom et prénoms de l'enfant. Tên họ đứa con nít.	Bà Cai
Son sexe. Nam, nữ	-con gái
Date de naissance. Sanh ngày nào	29 Juillet 1942
Lieu de naissance. Sanh tại chỗ nào	Maternité de Tây Ninh
Nom et prénoms de son père (pour les Enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué) Tên, họ cha (con sinh không phép cưới kể tên họ mẹ thì)	Bà Truông V.C. 3690
Sa profession. Cha làm nghề gì	Commerçant
Son domicile. Nhà cửa ở đâu	Chái Hiệp Thạnh
Nom et prénoms de sa mère. Tên, họ mẹ	Truông Hiền
Sa profession. Mẹ làm nghề gì	Journalière
Son domicile. Nhà cửa ở đâu	Chái Hiệp Thạnh
Son rang de femme mariée. Vợ chánh hay là vợ thứ	vợ chánh
Nom et prénoms du déclarant. Tên, họ người khai	Baptiste Havan
Son âge. Mấy tuổi	44 ans
Sa profession. Làm nghề gì	Médecin - chef
Son domicile. Nhà cửa ở đâu	Chái Hiệp Thạnh
Nom et prénoms du 1 ^{er} témoin. Tên, họ người chứng thứ nhất	Phạm thị Chính
Son âge. Mấy tuổi	35 ans
Sa profession. Làm nghề gì	Sage-femme
Son domicile. Nhà cửa ở đâu	Chái Hiệp Thạnh
Nom et prénoms du 2 ^e témoin. Tên, họ người chứng thứ nhì	Lý Văn Thời
Son âge. Mấy tuổi	28 ans
Sa profession. Làm nghề gì	Coolie
Son domicile. Nhà cửa ở đâu	Chái Hiệp Thạnh

CHUNG THẬT SƠ LƯỢC
SAO Y ĐƠN CHANH

Ngày 10 tháng 10 năm 1942

TM/ U.B.N.D. PHƯƠNG 13

F. C. 1128

(1) Marg: réservée
pour la mention, en
résumé, des jugements
rectificatifs des actes
de l'état-civil.(1) Lễ chừa dề mà
lược biên án tòa cái
giấy khai sanh lại.

Phạm thị Bạch

A Tây Ninh, le 29 Juillet 1942
Tại ngày 194Le Déclarant,
Người khai,L'Officier de l'Etat Civil,
Chức việc coi bộ đời,Les Témoins,
Các người chứng,

Baptiste Havan Sứ

Chánh Thời

NOTA. — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.

Phải biết. — Chỗ trắng không dùng phải lấp một nét.

NAM - PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chính Quận 5

Số hiệu, II.785A

*

HỘ - TỊCH

III/6

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (1969)

Lê phí 158

Tên, họ đứa nhỏ . . .	NGUYỄN-CHÍ-DŨNG
Phái.	Nam
Ngày sanh	Ngày mười một tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín, 8g
Nơi sanh	334, Nguyễn-Trãi
Tên, họ người Cha . .	Nguyễn-Văn-Thông
Tuổi.	ba mươi bốn
Nghề-nghiệp.	Thợ may
Nơi cư-ngụ	121h, Lê-Quang-Liêm
Tên, họ người Mẹ. . .	TẠ-TÀI
Tuổi.	Hai mươi bảy
Nghề-nghiệp.	Suôn bán
Nơi cư-ngụ	121h, Lê-Quang-Liêm
Vợ hành bay thứ. . .	Chính

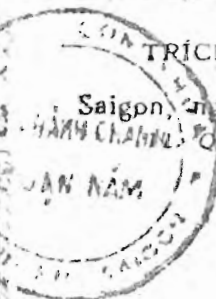
Lâm tại Saigon, ngày 18 tháng 6 năm 19 69

1969

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH :

Saigon, ngày 02 tháng 7 năm 19 69

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN NAM



NGUYỄN KIM BA

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Sanh/5

Quận: NAM

Lập ngày 28 tháng 6 năm 1973

HƯƠNG: ///

Số hiệu: 16.501

Tên họ đứa trẻ. . . .	Nguyễn-Chí-Cường
Con trai hay con gái.	Nam
Ngày sanh.	Hai mươi hai tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba, hồi 5g35
Nơi sanh.	334, Nguyễn-Trãi
Tên họ người cha. . .	Nguyễn-văn-Thông
Tên họ người mẹ. . .	Tạ-Tai
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai	Nguyễn-văn-Thông



Viên-Chức Hộ-Tịch,

Hon

PHAN THI HỒNG HOA
Tham & Cảnh-Chánh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: NAM

Lập ngày 21 tháng 3 năm 1975

PHƯỜNG: ///

Số hiệu: 18042

Tên họ đứa trẻ.	Nguyễn-Chí-Minh
Con trai hay con gái. . .	Nam
Ngày sanh.	Mười tám tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm, hồi 10g05
Nơi sanh.	334, Nguyễn-Trãi
Tên họ người cha.	Nguyễn-Văn-Thông
Tên họ người mẹ.	Tạ-Tai
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Nguyễn-Văn-Thông

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 28 tháng 03 năm 1975

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Hou



PHAN THI HỒNG HOA
Tham-Đoàn-Ngành

Thị trấn

Họ và Tên: Nguyễn Văn Hùng 5

Thành phố, Tỉnh HCM

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

58 136/79

Quyển số 02

--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	NGUYỄN-CHÍ-TÙNG		Nam ☒ Nữ ☐
Sinh ngày	Hai mươi tháng sáu năm một chín bảy chín		
tháng, năm	(20-6-1979)		
Nơi sinh	Phu-San Hùng-Vương		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc	NGUYỄN-VĂN-THÔNG	TẠ - TÀI	
ngày, tháng, năm sinh)	1935	1942	
Đạo tộc	Kinh	Hoa	
Quốc tịch	Việt-Nam	Việt-Nam	
Nghề nghiệp	Thợ may	Buôn bán	
Nơi ĐKNK thường trú	121 ^H , Lê-Quang-Liêm	121 ^H , Lê-Quang-Liêm	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK	NGUYỄN-VĂN-THÔNG		
thường trú, số giấy chứng	1935		
minh hoặc CNCC của	121 ^H , Lê-Quang-Liêm		
người đứng khai			

NHẬN THỰC SAO Y BAN CHÁNH

Ngày 15 tháng 5 năm 1980

TM UBND 9.5 ký tên đóng dấu

VIỆN THƯ KÝ

Đang ký ngày 26 tháng 6 năm 1979.

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Uy-Vien Thu-Ky

TRẦN-THÀNH-SỰ (ấn ký)



TRẦN THÀNH SƯ

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

chính họ có 2 + 3 + 4 + 5

cho đúng với RS :

- Nguyễn chi Dũng
- Nguyễn chi Cường
- Nguyễn chi Minh
- Nguyễn chi Dũng



Ngày 10 tháng 10 năm 1988

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 504939... CN

Họ và tên chủ hộ :

Ấp, ngõ, số nhà :

Thị trấn, đường phố :

Xã, phường :

Huyện, quận :

Ngày 10 tháng 3 năm 1982

Trưởng ban an ninh Quận 5
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3 :

Trưởng ban an ninh Quận 5 Tiếp

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

C O N T R O L

____ Card
____ ~~4~~ Doc. Request; ~~Form~~
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

3/30/89

gửi về VN để tiếp